

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025 – 2026

KHỐI MG 4 - 5 TUỔI

Thứ tự MT	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
I.Lĩnh vực phát triển thể chất		
1. Phát triển vận động:		
MT 1	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh (1 -T55) Tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần (QTE)	- Các động tác: hô hấp, tay, bụng, chân, bật - Thực hiện nhịp nhàng các động tác theo hiệu lệnh
MT 2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động (2.1 - T55) - Thực hiện phối hợp các vận động: đi lên - xuống trên mặt phẳng nghiêng, vượt qua chướng ngại vật; leo, trèo, di chuyển trên các mô hình vận động có sự cần sự hỗ trợ** - Giảm hành vi leo trèo không phù hợp (Trẻ hòa nhập)	- Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m - Đi bằng gót chân, đi khụy gối - Leo lên – xuống cầu thang - Trèo qua khung leo thấp. - Di chuyển theo đường vòng, đường ngoằn ngoèo trên sân chơi
MT 3	Trẻ kiểm soát được vận động (2.2 - T55) Giữ tư thế đúng khi đứng, ngồi, đi (không cần nhắc nhở)**	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi/ Chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt đích dắc)

	<p>- Chơi vận động có sự kiểm soát vận động không làm hại đến bản thân và bạn khác (trẻ hòa nhập)</p>	<p>- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. Chạy chậm 60 - 80 m. Chạy theo bóng và bắt bóng. Nhảy lò cò 3m.</p> <p>+ Khi đứng: Hai chân rộng bằng vai, lưng thẳng, không cúi gập người, hai tay thả tự nhiên hoặc để phía trước.</p> <p>+ Khi ngồi: Ngồi thẳng lưng, không gù, hai chân đặt thoải mái chạm đất (hoặc ghé để chân), không nằm bò ra bàn, hai tay đặt ngay ngắn khi viết/vẽ/ăn.</p> <p>+ Khi đi: Đi thẳng người, mắt nhìn phía trước, không lom khom, không chạy lao người về phía trước.</p> <p>Trò chơi – thi đua: “Ai ngồi đẹp hơn”, “Ai đi thẳng hàng”, “Người mẫu nhí”...</p>
<p>MT 4</p>	<p>Trẻ thực hiện được kỹ năng phối hợp tay mắt trong vận động tung, ném, chuyền, bắt, (2.3 - T56)</p>	<p>- Tung bắt bóng với người đối diện: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m). Tung bóng lên cao và bắt bóng</p> <p>- Tự đập bóng xuống sàn và bắt bóng 4 - 5 lần liên tiếp.</p> <p>- Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân</p> <p>- Ném trúng đích thẳng đứng (Xa 1,5m x cao 1,2m). Ném trúng đích nằm ngang (xa 2m)</p> <p>- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.</p>
<p>MT 5</p>	<p>Trẻ có kỹ năng phối hợp tay, chân, lưng bụng trong vận động Bò, trườn, trèo</p>	<p>- Bò trong đường dích dắc 3-4 điểm dích dắc (cách nhau 2m), không chệch ra ngoài.</p> <p>- Bò bằng bàn tay, bàn chân 3 - 4 m</p> <p>- Bò chui qua cổng</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m - Trườn theo hướng thẳng - Trèo lên xuống 5 giống thang
MT 6	Trẻ thực hiện được các bài tập phối hợp mắt, tay, chân,...trong vận động bật xa, bật sâu.	<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40 cm - Bật sâu 30-35cm. - Bật qua vật cản 10 – 15cm. - Bật tách khớp chân qua 5 ô.
MT 7	Thể hiện nhanh mạnh khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp (2.4 - T56)	<p>Thực hiện phối hợp, liên hoàn các bài tập tổng hợp như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhảy lò cò 3m. Chạy chậm 80m. Ném trúng đích nằm ngang. - Bò đích dắc qua 5 điểm. Ném trúng đích thẳng đứng. Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Trườn theo hướng thẳng. Nhảy lò cò 3m. Treo lên xuống 5 giống thang
MT 8	Trẻ thực hiện được các vận động cuộn, xoay, gập, mở các ngón tay (3.1 - T56)	<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê , véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi - Gấp giấy, gập các ngón tay, tô vẽ hình, cách sử dụng kéo cắt theo đường thẳng, lắp các hình đơn giản
MT 9	Trẻ thực hiện được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động. (3.2 - T56)	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình người, nhà, cây..Cắt thành thạo theo đường thẳng - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối - Biết tết sợi đôi. Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày

	- Phối hợp tay–mắt tốt hơn khi chơi (Trẻ hòa nhập)	
MT 10	Trẻ thể hiện được các bước nhảy di chuyển tự do và nghệ thuật phối hợp (di chuyển kết hợp tay, di chuyển phối hợp 7 bước cơ bản).	- Trẻ tập được các động tác đơn, động tác liên kết và làm quen với các động tác phối hợp, di chuyển đội hình, 7 động tác cơ bản Aerobic, giúp trẻ nghe và bắt được nhịp nhạc, dựa trên nền nhạc phù hợp và khả năng kết hợp vận động
MT 11	Trẻ thực hiện được các động tác vũ đạo và nghệ thuật thể dục Aeorobic, kết hợp tự biểu diễn theo nhạc trước tập thể	- Trẻ thực hiện được một số bài tập về độ dẻo, các động tác thăng bằng, các tư thế cơ bản hỗ trợ động tác (tư thế nằm, ngồi, quỳ, đứng). - Trẻ nghe được nhịp nhạc, bài hát và thực hiện được các động tác theo nhạc, tự tin biểu diễn trước tập thể.
2. Dinh dưỡng và sức khỏe		
MT 12	Trẻ nói được một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho, gạo nấu cơm, nấu cháo... (1.2 - T57)	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm. - Kể tên một số món ăn thông thường - Các dạng chế biến món ăn đơn giản của một số thực phẩm - Rửa thực phẩm khi mua về
MT 13	- Trẻ có kỹ năng nhận biết số thực phẩm cùng nhóm (thịt, cá có nhiều chất đạm, rau, quả chín có nhiều vitamin) (1.1 - T57) Biết tự tránh đồ ăn gây dị ứng cho bản thân**	- Nhận biết và gọi tên các nhóm thực phẩm - Phân nhóm các thực phẩm. - Đặt trẻ vào “bữa tiệc giả định” để rèn kỹ năng tự lựa chọn.cho trẻ chỉ tay hoặc nói “Con không ăn món này vì bị dị ứng”.

<p>MT 14</p>	<p>- Trẻ biết ăn đủ chất để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. (1.3 - T58)</p> <p>- Tự phục vụ ăn uống, vệ sinh*** (Trẻ hòa nhập)</p>	<p>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày. Các chất dinh dưỡng có trong bữa ăn hằng ngày và lợi ích của ăn uống đủ lượng và đủ chất (QTE)</p> <p>- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (tiêu chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì ...)</p>
<p>MT 15</p>	<p>Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở (2.1 - T58)</p> <p>- Biết rửa tay, mặc áo, đi vệ sinh,.. có trợ giúp (Trẻ hòa nhập)</p>	<p>Rửa tay bằng xà phòng, lau mặt đánh răng. Tự thay quần áo khi bị ướt , bẩn. Đi vệ sinh đúng nơi qui định, rửa tay sau khi đi vệ sinh</p>
<p>MT 16</p>	<p>Trẻ biết tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng không làm rơi vãi, đổ thức ăn. Cầm cốc uống nước. (2.2 - T58)</p>	<p>- Sử dụng muỗng đúng cách, ăn gọn gàng không làm rơi vãi, đổ thức ăn ra ngoài, ăn cơm xong biết tự lấy khăn lau miệng</p> <p>- Cầm cốc bằng tay phải, không làm đổ nước, không uống nước lã</p>
<p>MT 17</p>	<p>Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong ăn uống (3.1 - T58) (QTE)</p>	<p>- Một số hành vi tốt trong ăn uống</p> <p>- Mời cô mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kỹ. Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</p> <p>- Nhai kỹ thức ăn, không nhai ngồm ngoàm, không cười đùa trong khi ăn</p>

<p>MT 18</p>	<p>Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh khi được nhắc nhở (3.2 - T59)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, , đi dép, giày khi đi học. - Biết đeo khẩu trang khi đi ra khỏi nhà, thường xuyên rửa tay, giữ gìn vệ sinh cá nhân. - Ích lợi của trang phục phù hợp với thời tiết - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. Chủ động nói với người lớn khi bị đau sốt, ho hoặc chảy máu.
<p>MT 19</p>	<p>- Trẻ nhận ra được bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần và biết các vật sắc nhọn không nên nghịch (4.1 - T59)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các đồ vật nguy hiểm: Ổ điện, bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng không được lại gần - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không đến gần những đồ dùng gây nguy hiểm - Không leo trèo lan can, tường rào
<p>MT 20</p>	<p>- Trẻ nhận ra những nơi như ao, hồ, mương nước, suối, bể chứa nước, suối, bể chứa nước....là nơi gây nguy hiểm, không được chơi gần (4.2 - T59) (QTE)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Không chơi và đến gần ao, hồ, mương nước, suối, bể chứa nước là những nơi nguy hiểm - Không cúi người, thò đầu vào xô, chậu,...có chứa nước
<p>MT 21</p>	<p>Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở (4.3 - T59;60) (QTE)</p>	<p>Không cười đùa trong khi ăn uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt .Không ăn thức ăn có mùi ôi thiu, thịt sống, không ăn lá, quả lạ...không uống rượu bia , cà phê, không được tự uống thuốc khi không được phép của người lớn. Không được tự ra khỏi trường khi không được phép.</p>

MT 22	Trẻ nhận ra được một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ (4.4 - T60)	<ul style="list-style-type: none"> - Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: đứt tay, lạc đường, cháy , có người rơi xuống nước ngã, chảy máu - Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân. - Không ra khỏi nhà khi không có người lớn
MT 23	Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn (4.5T61) - Ngồi học 5–7 phút, bắt chước cô (Trẻ hòa nhập)	<p>Sau giờ học có ba mẹ, người thân đón mới được về nhà, không tự ý đi chơi, đi theo người khác - đi bộ trên vỉa hè, đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy -không leo trèo cây, ban công, tường rào, bàn ghế, cửa sổ,...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngồi im tham gia học 5 - 7 phút, không có dấu hiệu mất tập trung
II.Lĩnh vực phát triển nhận thức:		
1. Làm quen một số khái niệm sơ đẳng về toán		
MT 24	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng. Thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: Bao nhiêu?, là số mấy. (1.1 - T63)	<p>Đếm các đồ vật xung quanh, biết hỏi bao nhiêu, là số mấy</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đếm số lượng đồ vật quen thuộc (đồ chơi, quả, bông hoa, bạn trong nhóm...). - Ghép số với số lượng tương ứng. - Tham gia trò chơi có yếu tố số lượng, chữ số (đếm bước, đếm tiếng vỗ tay, “Ai nhanh hơn”...).
MT 25	Trẻ biết đếm được trên đối tượng trong phạm vi 10 (1.2 - T63)	<ul style="list-style-type: none"> - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng - Đếm số lượng trong phạm vi 20

	- Đếm đến 3, phân loại 1–2 tiêu chí; Thích chăm chú khám phá một đồ vật, đối tượng (Trẻ hòa nhập)	- Đếm theo khả năng đối với trẻ hòa nhập
MT 26	Trẻ biết so sánh số lượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. (1.3 - T63)	So sánh số lượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn
MT 27	Trẻ thực hiện được gộp 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả (1.4 - T64)	<ul style="list-style-type: none"> - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm + Thực hành gộp hai nhóm đồ vật lại với nhau (ví dụ: 2 quả táo và 3 quả táo). + Đếm số lượng sau khi gộp để biết “tất cả có bao nhiêu”. + So sánh số lượng trước và sau khi gộp. +Tham gia trò chơi gộp nhóm và đếm (gộp khối, gộp bông hoa, gộp con vật...).
MT 28	Thực hiện tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn. (1.5 - T64)	<ul style="list-style-type: none"> - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn + Thực hành tách một nhóm đồ vật thành 2 hoặc nhiều nhóm nhỏ hơn (ví dụ: 5 quả bóng tách thành 2 nhóm, 3 quả và 2 quả). + Đếm số lượng từng nhóm sau khi tách. + Nhận biết số lượng nhóm nhỏ cộng lại bằng số lượng ban đầu. +Tham gia trò chơi tách nhóm (tách hoa, tách khối, tách con vật...).
MT 29	- Trẻ biết sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng số thứ tự. (1.6 - T64) Nghe và biết đếm	- Đếm số lượng, chữ số và số thứ tự trong phạm vi 5 bằng tiếng Việt và tiếng Anh

	số, chữ số từ 1 - 5 bằng tiếng Anh (TT55/2020/TT - BGDĐT)	- Nhận biết các chữ số từ 1 - 5
MT 30	Trẻ nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (1.7 - T64) nói được một số thông tin của gia đình (số điện thoại, số nhà, đường phố, thôn xóm) khi được hỏi, trò chuyện. (1.3 - T65)	<ul style="list-style-type: none"> Ý nghĩa con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, số xe, số điện thoại....) - Trẻ nhớ được số điện thoại của ba - mẹ - Địa chỉ của gia đình (số nhà, đường, thôn xóm,...)
MT 31	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại. Đặt được 15 khối hộp (2 - T64)	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc - Sắp xếp tương ứng 1-1 - Ghép đôi - Tập trẻ đặt 15 khối hộp
MT 32	Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, độ lớn, độ rộng, dung tích của 2 đối tượng nói kết quả đo và so sánh. (3 - T64)	<ul style="list-style-type: none"> - Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo - So sánh độ lớn của các đối tượng - So sánh độ rộng của các đối tượng - Đo độ dài, dung tích của đối tượng bằng đơn vị đo ước lệ**
MT 33	Trẻ gọi tên các hình chỉ ra các điểm giống nhau khác nhau giữa hai hình. (Hình tròn và tam giác; hình vuông và chữ nhật). Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. (4.1; 4.2 - T64)	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các (Hình tròn và tam giác; hình vuông và chữ nhật) - Chắp ghép các hình học để tạo thành hình mới. Sử dụng các vật liệu để ghép các hình mới theo ý thích và yêu cầu. - Sắp xếp 6 thẻ tranh theo hình dạng

<p>MT 34</p>	<p>Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác (5.1 - T65)</p> <p>- Ghi nhớ tên đồ vật/sự kiện (Trẻ hòa nhập)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định phía phải, phía trái của bản thân - Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của bản thân. - Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của đồ vật so với bản thân trẻ. - Xác định phía trên, phía dưới, phía trước, phía sau của đồ vật so với bạn khác.
<p>MT 35</p>	<p>Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để mô tả các sự kiện theo trình tự thời gian trong ngày (5.2 - T65) So sánh sự khác nhau giữa ngày và đêm; mặt trời - mặt trăng; Ánh sáng - bóng tối**</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả các hoạt động trong ngày theo thời gian các buổi: sáng, trưa, chiều, tối - Nhận biết các buổi sáng, trưa, chiều, tối. Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - So sánh sự khác nhau giữa ngày và đêm; mặt trời - mặt trăng; Ánh sáng - bóng tối**
<p>MT 36</p>	<p><i>Trẻ biết sử dụng và ứng dụng công nghệ toán học qua các bài tập Quzi, Kitmart,</i></p>	<p>Tìm số tương ứng cho hình; nói những con vật có hình dạng giống nhau; ghép hình theo màu, theo kích thước, sắp xếp xen kẽ, xếp theo quy tắc,...</p>
<p>2. Khám phá xã hội</p>		
<p>MT 37</p>	<p>Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi và trò chuyện. (1.1 - T65) (QTE)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nói họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm về bản thân, kể ra thông tin sở thích của bản thân. - Tên, chức năng của bộ phận trên cơ thể. - Các giác quan của con người.
<p>MT 38</p>	<p>- Trẻ nói họ tên, công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh gia đình (1.2 -T65)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Họ tên bố mẹ và các thành viên trong gia đình - Kể tên công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình. Nhu cầu gia đình

<p>MT 39</p>	<p>- Sử dụng một số thiết bị công nghệ số an toàn, đúng cách với sự hỗ trợ của người lớn**</p>	<p>- Giới thiệu cho trẻ thiết bị (máy tính bảng, điện thoại, máy tính, tivi,...) và công dụng cơ bản (xem hình ảnh, nghe nhạc, học chữ số, gọi video với người thân...).</p> <p>- Hướng dẫn thao tác đơn giản: bật/tắt màn hình, chạm chọn biểu tượng, điều chỉnh âm lượng, thoát ứng dụng... với sự kèm cặp của người lớn.</p> <p>+ Không dùng khi không có sự cho phép của cô/bố mẹ.</p> <p>+ Không nhìn màn hình quá gần, không sử dụng quá lâu.</p> <p>+ Không bấm linh tinh, không tự ý mở ứng dụng lạ.</p>
<p>MT 40</p>	<p>Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.(1.4 - T65)</p>	<p>- Tên và địa chỉ của trường, lớp, tên cô giáo chủ nhiệm, cô Hiệu trưởng, hiệu phó của trường khi được hỏi,</p> <p>- Các hoạt động ở trường, lớp.</p>
<p>MT 41</p>	<p>Nói tên, một số công việc của cô giáo và các cô chú nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. (1.5 - T66)</p>	<p>- Trò chuyện, tên và công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi.</p>
<p>MT 42</p>	<p>Trẻ biết kể tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. (1.6 - T66) (QTE)</p>	<p>- Nói tên các bạn và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.</p> <p>- Kể được đặc điểm, sở thích, tính cách bạn trai, bạn gái.</p>
<p>MT 43</p>	<p>Trẻ kể được tên, công việc, công cụ, sản phẩm và lợi ích của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện (2 - T66)</p>	<p>- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, lợi ích một số nghề phổ biến trong xã hội.</p> <p>- Tên gọi, đặc điểm các hoạt động của các nghề gần gũi, quen thuộc, truyền thống ở địa phương.</p> <p>- Yêu quý người lao động, trân trọng sản phẩm của người lao động.</p>

MT 44	Trẻ kể được tên và nói được một số ngày lễ hội (3.1 - T66)	Tên và những đặc điểm nổi bật của những ngày hội, lễ trong năm: Ngày hội bé đến trường; Tết Trung Thu, Tết Nguyên Đán, Tết Thiếu Nhi 1/6, Halloween, giáng sinh, sinh nhật Bác Hồ...
MT 45	Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp ,di tích lịch sử ở địa phương. (3.2 - T66)	Đặc điểm nổi bật của một số di tích , danh lam , thắng cảnh, sự kiện văn hóa địa phương. Di tích lịch sử: Dốc Ông Bằng; Di tích văn hóa phi vật thể: Dinh thầy Thím; cảnh đẹp của địa phương: công viên Nguyễn Huệ, công viên Bác Hồ, biển đồi dương, đảo Hòn Bà
MT 46	- Tiếp cận với việc lập sơ đồ tư duy, mạnh dạng trình bày sơ đồ theo sự hiểu biết**	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với sơ đồ tư duy đơn giản bằng hình ảnh, màu sắc, kí hiệu (ví dụ: chủ đề “Gia đình” vẽ ở giữa, xung quanh có bố – mẹ – ông bà – anh chị em). + Hướng dẫn trẻ biết chọn ý chính – ý phụ, dùng hình ảnh hoặc ký hiệu thay chữ viết. + Trẻ được tập hợp ý tưởng và sắp xếp vào sơ đồ theo cách hiểu riêng (vẽ nhánh, dán tranh, tô màu). + Khuyến khích trẻ mạnh dạn đứng lên trình bày sơ đồ của mình trước nhóm/lớp, diễn đạt theo khả năng. +Tổ chức hoạt động: “Sơ đồ tư duy của bé”, “Vẽ sơ đồ chủ đề mình thích” để trẻ thực hành.
3. Khám phá khoa học		
MT 47	Trẻ biết quan tâm những thay đổi của sự vật , hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng : Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt? (1.1 - T61)	<ul style="list-style-type: none"> - Khám phá sự vật, hiện tượng xảy ra xung quanh trẻ. - Tìm hiểu về một số hiện tượng thiên nhiên, về không khí, ánh sáng.

		<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm của các mùa trong năm (mùa xuân, mùa hè, mùa đông, mùa thu). Trang phục thay đổi theo mùa,... - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng, mặt trời. - Tìm hiểu các nguồn nước có trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống của con người, động vật, thực vật.
MT 48	<p>Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát sự vật hiện tượng như kết hợp sờ, nhìn để tìm hiểu đặc điểm của các đối tượng: hoa quả, con vật, PTGT, nước, không khí, ánh sáng. (1.2 - T61)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các HĐGD tăng cường trải nghiệm các giác quan để giúp trẻ nhận biết - Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng dụng cụ - Đặc điểm công dụng của một số PTGT. Kể tên so sánh phân loại một số PTGT. Một số dịch vụ giao thông, chơi ở nơi an toàn, đi bộ an toàn, an toàn khi đi trên các PTGT. Làm quen tín hiệu giao thông. Những hậu quả khi không tuân thủ các qui định khi tham gia giao thông. - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả, gần gũi, ích lợi và tác hại của động vật với con người. Phân loại cây, hoa, quả, con vật, cây cối, MT sống. Chăm sóc bảo vệ con vật, cây. - Đặc điểm tính chất của nước, nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước, cách bảo vệ nguồn nước, không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.
MT 49	<p>- Biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán (1.3 - T62) - Nhận biết được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi. (2.1 - T62)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm thí nghiệm, pha các chất hòa tan: ví dụ cho thêm đường/muối vào nước nếm nước ngọt/mặn hơn

		<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối quan hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống (thiếu nước, không khí, ánh sáng,...) - Cây xanh -> khí CO² , không khí trong lành, mát mẻ - Mưa nhiều -> Lũ lụt, sạt lở,... - Nắng nóng kéo dài -> Thiếu nước, hạn hán,...
MT 50	<p>Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện (1.4 - T62)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xem sách, tranh ảnh, hình ảnh, vật thật và tìm hiểu tên gọi, đặc điểm, công dụng, lợi ích, cách sử dụng, đặc điểm hoạt động, môi trường sống của con vật, đồ vật, đồ chơi, rau quả, hoa, con người. - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
MT 51	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại các đối tượng theo 1, 2 dấu hiệu. (1.5- T62) - Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. (3.1 - T62) - Tên các mùa trong năm, đặt điểm nổi bật của từng mùa: Xuân - Hạ - Thu - Đông** 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại, so sánh đặc điểm khác nhau và giống nhau của các đối tượng quan sát - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. Cách chăm sóc bảo vệ các con vật, cây - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2,3 đồ dùng đồ chơi - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Phân loại đồ dùng đồ chơi, cây, hoa, quả, con vật, PTGT theo 1 - 2 dấu hiệu cho trước. - Thiết kế sơ đồ tư duy về các mùa trong năm và thuyết trình sơ đồ**

MT 52	Trẻ có khả năng sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản (2.2 - T62) (QTE)Thể hiện kỹ năng giải quyết vấn đề trong cuộc sống hàng ngày theo các bước đơn giản khi tiếp cận công nghệ số.	<ul style="list-style-type: none"> - Tự giải quyết vấn đề đơn giản nảy sinh trong khi chơi, trong khi hoạt động bằng các cách thức khác nhau. - Tự giải quyết vấn đề đơn giản: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn - Không tự ý cài, mở ứng dụng; Biết dừng lại, không tự ý bấm lung tung nếu chưa giải quyết được, mà nhờ người lớn hỗ trợ.
MT 53	Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình (3.2 - T63)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết về các đối tượng khác nhau, thông qua nhiều hoạt động giáo dục. - Tô màu, vẽ , xé dán , nặn ghép hình ... - Hát vận động các bài hát theo chủ đề. - Thể hiện được vai chơi trong trò chơi
III.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ		
a. Nghe		
MT 54	Trẻ thực hiện được 2 - 3 yêu cầu liên tiếp (1.1 - T67) - Tham gia nhóm nhỏ tích cực (Trẻ hòa nhập)	<p>Giao nhiệm vụ cho trẻ, giúp trẻ hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu. VD: cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ, gắn vào bình hoa màu vàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham gia cùng bạn thân, thích chơi cùng và chơi hòa thuận
MT 55	- Trẻ hiểu được nghĩa các từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...(1.2 - T67)	- Phát triển vốn từ cho trẻ: Các từ chỉ đặc điểm , tính chất, công dụng: đồ dùng, động vật, thực vật...và các từ biểu cảm. Nghe hiểu nghĩa các từ khái quát: rau quả, con người, đồ gỗ....

<p>MT 56</p>	<p>- Trẻ nghe hiểu khi người khác nói và trao đổi được với người đối thoại (1.3 - T67). Sử dụng lời nói, hành vi lịch sự trong giao tiếp**</p> <p>- Trẻ nói được các câu đơn giản để biểu đạt nhu cầu? (ví dụ: “đói”, “uống nước”) (Trẻ hòa nhập)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chú ý nghe người khác nói chuyện - Trẻ trả lời và trò chuyện với người đối thoại - Nghe hiểu nội dung các câu đơn , câu mở rộng. Nghe hiểu nội dung truyện kể , truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các, bài thơ, ca dao đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi - Thực hành qua các tình huống hằng ngày: chào cô, chào bạn, cảm ơn khi được giúp đỡ, xin lỗi khi làm phiền hoặc mắc lỗi; biết chờ đến lượt, không chen lấn, không nói leo.
<p>MT 57</p>	<p>Nghe từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng, nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động hoặc 1-3 từ một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về bản thân và gia đình phù hợp với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 70 từ, cụm từ bằng tiếng Anh (TT50/2020/TT - BGDĐT)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu một số mẫu câu bằng tiếng Anh đơn giản và nghe, nói được các từ chỉ con vật, đồ vật, hành động...phạm vi 70 từ tiếng Anh - Nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động hoặc 1-3 từ một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về bản thân và gia đình (TT55/2020/TT - BGDĐT) - Nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động hoặc 1-3 từ một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi được hỏi về bản thân và gia đình (QTE)
<p>2. Nói</p>		

<p>MT 58</p>	<p>- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được (2.1 - T67)</p> <p>- Nói câu 3–4 từ (Trẻ hòa nhập)</p> <p>- Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. (2.9 - T68) (QTE – quyền được tham gia)</p>	<p>- Hướng dẫn trẻ nói trọn câu, đủ ý trong các hoạt động</p> <p>- Rèn luyện cho trẻ cách nói, cách diễn đạt mạch lạc, rõ ràng trong tất cả các hoạt động phát triển ngôn ngữ</p> <p>- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó</p> <p>- Trả lời và đặt câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?</p> <p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p>
<p>MT 59</p>	<p>- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm. (2.2 - T67)</p> <p>- Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, phủ định. (2.3 - T67)</p> <p>- Trả lời đúng câu hỏi, kể lại việc đã làm (trẻ hòa nhập)</p>	<p>- Nghe hiểu nội dung câu đơn, câu mở rộng, câu phức</p> <p>- Đặt câu hỏi cho trẻ, gợi mở cho trẻ, đặt câu hỏi cho cô và các bạn. Cho trẻ đóng vai vào các hoàn cảnh giao tiếp</p> <p>- Nghe sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hành động.</p> <p>- Phát triển vốn từ cho trẻ qua các hoạt động: đọc thơ, kể chuyện, ca dao, đồng dao</p> <p>- Sử dụng các từ chỉ tên gọi, đặc điểm, hoạt động.</p>
<p>MT 60</p>	<p>- Trẻ biết sử dụng các từ như: mời bạn, mời cô, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp. (2.8 – T68)</p>	<p>- Hiểu nghĩa các từ: mời cô, mời bạn, xin lỗi, cảm ơn...</p> <p>- Sử dụng các từ đó trong giao tiếp. Cho trẻ đóng vai vào các hoàn cảnh giao tiếp</p>

MT 61	Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự. (2.4 - T67) - Hứng thú khi nghe kể chuyện qua tranh (Trẻ hòa nhập)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu nội dung câu chuyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Trò chuyện để trẻ kể lại sự việc đã diễn ra theo đúng trình tự - Tập cho trẻ kể lại sự việc có nhiều tình tiết trong các hoạt động - Kể lại truyện theo trình tự trong tranh.
MT 62	Trẻ đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao (2.5 - T67). <i>Kể chuyện bằng thơ nhạc, đọc thơ theo tiết tấu</i>	Đọc thơ, ca dao, đồng dao tục ngữ, hò , vè... theo chủ đề. <i>Kể chuyện bằng thơ nhạc *, đọc thơ theo tiết tấu *</i>
MT 63	Mô tả được hành động các nhân vật trong tranh (3.2 - T68) (QTE – quyền được tham gia) - Bắt chước giọng nói , điệu bộ của nhân vật trong truyện.(2.7 - T68)	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe sử dụng các biểu cảm - Thể hiện giọng nói, điệu bộ nhân vật thông qua hoạt động kể lại truyện và đóng kịch Xem tranh và mô tả sự vật hiện tượng trong tranh ảnh. - Chơi bắt chước, tạo dáng các nhân vật trong tranh - Dạy trẻ kể lại truyện
MT 64	Kể được truyện có mở đầu, có kết thúc. (2.6 - T68)	<ul style="list-style-type: none"> - Kể lại truyện đã được nghe - Đóng kịch, diễn rối.
MT 65	Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ và cụm từ trong phạm vi từ vựng tiếng Anh đã làm quen (TT50/2020/TT-BGDĐT).	Trả lời một số câu đơn giản, quen thuộc về bản thân, tên, tuổi, gia đình, các câu chào hỏi,...Hát theo bài hát, đọc theo bài thơ tiếng Anh ngắn, quen thuộc.
3. Đọc - viết		

<p>MT 66</p>	<p>- Trẻ biết chọn sách để xem.(3.1 - T68) - Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giờ từng trang sách để xem tranh ảnh "đọc " sách theo tranh minh họa (đọc vẹt). (3.3 - T68)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đọc và viết Tiếng Việt - Làm quen với sách, vở - Hướng đọc: từ trái sang phải, từ trên xuống dưới - Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu câu - "Đọc" chuyện qua sách, tranh, tranh vẽ, - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - Giữ gìn bảo vệ sách - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Yêu thích xem sách - Biết chọn sách phù hợp, sách trẻ thích và xem. - Tổ chức các hoạt động xem sách, đọc sách tại các góc sách truyện.
<p>MT 67</p>	<p>Trẻ nhận ra được các kí hiệu thông thường trong cuộc sống (3.4 - T68)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh trai, gái; lối thoát hiểm, nơi nguy hiểm,lối ra, cấm lửa.... - Một số biển báo giao thông: đường cho người đi bộ, đèn giao thông.....
<p>MT 68</p>	<p>Trẻ biết sử dụng kí hiệu để "viết": tên , làm vé tàu , thiệp chúc mừng. (3.5 -T68) (QTE)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập cho trẻ sử dụng nét vẽ, kí hiệu, chữ cái quen thuộc để thể hiện tên mình hoặc bạn bè. - Hướng dẫn trẻ vẽ và ghi kí hiệu đơn giản khi làm đồ dùng như vé tàu, thiệp chúc mừng, bảng tên. - Khuyến khích trẻ dùng hình ảnh, kí hiệu, nét vẽ thay thế chữ viết để truyền tải thông điệp.

		- Tổ chức trò chơi, hoạt động trải nghiệm: “Làm vé tàu cho chuyến đi”, “Tự viết thiệp tặng bạn”, “Ghi tên vào sản phẩm của mình”.
MT 69	Trẻ biết đọc theo thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng Tiếng Anh được làm quen (TT55/2020/TT-BGDĐT)	Xem tranh ảnh minh họa và đọc thành tiếng từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động trong phạm vi từ vựng Tiếng Anh được làm quen.
MT 70	Nhận dạng một số chữ cái; Tập tô, tập đồ các nét chữ.- Trẻ sẵn sàng việc học đọc, học viết **	Nhận dạng được 12 chữ cái; Tập tô, tập đồ được 9 nét cơ bản và 12 chữ cái.
IV.Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng và xã hội		
MT 71	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được(1.2 - T69) Tự hào về những đặc điểm riêng và khả năng của bản thân** - Giao tiếp cử chỉ - ánh mắt –lời nói rõ hơn (Trẻ hòa nhập)	- Bày tỏ được những điều bé thích, không thích, thể hiện khả năng của bản thân. - Biết giới thiệu về mình. Trò chuyện về sở thích của bé. Tự hào về những đặc điểm riêng và khả năng của bản thân** (QTE)
MT 72	- Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích(2.1 - T69) - Biết trao đổi thỏa thuận với bạn bè để cùng thực hiện hoạt động chung.(4.5 - T70) - Chơi cạnh bạn, tham gia hoạt động nhóm (Trẻ hòa nhập)	Chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích và tham gia chơi cùng bạn. Chơi với những đồ chơi trẻ thích như trai chơi bóng, gái chơi búp bê. - Quan tâm, giúp đỡ bạn, chơi hòa thuận với bạn. - Cùng nhau bàn bạc, trao đổi thỏa thuận với bạn bè để cùng thực hiện hoạt động chung: Hoạt động chơi, trực nhật,...(QTE)

<p>MT 73</p>	<p>Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (2.2 - T69); tinh thần trách nhiệm với bản thân và tập thể**</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vui vẻ nhận công việc được giao. - Trẻ cố gắng thực hiện công việc được người lớn giao, hoàn thành nhiệm vụ được yêu cầu như: xếp bàn ghế, cất dọn đồ dùng, đồ chơi. - tinh thần trách nhiệm với bản thân và tập thể, qua các vai trò nhỏ như trực nhật, nhắc nhở bạn đội mũ, mang dép khi ra sân... **
<p>MT 74</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết, biểu lộ được cảm xúc vui buồn, sợ hãi tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh ảnh. (3.1; 3.2 - T69) (QTE) 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, giọng nói, qua tranh ảnh. - Nhận biết một số cảm xúc: Vui buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói. - Biểu lộ 1 số cảm xúc: vui buồn, sợ hãi....
<p>MT 75</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận ra và thể thể hiện được tình cảm đối với Bác Hồ. (3.3 - T70) - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát , đọc thơ , cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. (3.4 - T70) 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra ảnh của Bác Hồ, lăng Bác Hồ. - Lắng nghe kể chuyện, hát , đọc thơ về Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ cùng cô kể chuyện. - Xem tranh ảnh về Bác Hồ. - Vẽ,tô tranh về Bác Hồ, quê Bác, Quảng trường. - Xây dựng lăng Bác - Hát thuộc bài Quốc ca Việt Nam - Đọc thuộc 5 điều Bác Hồ dạy

<p>MT 76</p>	<p>Trẻ thể hiện tình cảm đối với một cảnh đẹp, lễ hội. (3.5 - T70)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến di tích lịch sử , cảnh đẹp , lễ hội của quê hương, đất nước: Trường Dục Thanh, Dinh Thầy Thím, Di tích tích ủy,... - Khám phá 1 số danh lam thắng cảnh của quê hương: Đà Lạt (Hồ Xuân Hương); Hòn bà, Biển Cam Bình, ngảnh Tam Tân,... - Nhận ra hình dạng, màu sắc,...Quốc Kỳ Việt Nam
<p>MT 77</p>	<p>Trẻ thực hiện được một số qui định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi và biết cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà bố mẹ.(4.1 - T70) (QTE)</p>	<p>Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi cộng đồng (Để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ , trật tự khi ăn , khi ngủ, đi bên phải lề đường...</p> <p>Hành vi văn minh trong trường, lớp, gia đình, nơi công cộng; hành vi sống xanh và bảo vệ môi trường.</p>
<p>MT 78</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói. Biết nói lời cảm ơn xin lỗi, chào hỏi lễ phép.(4.2; 4.3 - T70) Nhận ra lỗi, biết nói lời xin lỗi và sửa lỗi.** - Sử dụng được từ mời cô, mời bạn, ...trong giao tiếp (2.8T68) 	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe ý kiến của người khác , sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. Dùng lời nói, cử chỉ lễ phép trong giao tiếp. - Đọc thơ, kể chuyện, xem tranh về hành vi văn minh trong giao tiếp: chú ý khi nghe cô, các bạn nói. - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Luyện các kĩ năng,hành vi văn minh trong ăn uống. - KNS: học cách chào hỏi, thưa gửi, lễ phép.
<p>MT 79</p>	<p>Trẻ có hành vi biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở (4.4 - T70) (QTE)</p> <p>- Biết chờ lượt, lắng nghe bạn (Trẻ hòa nhập)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn trẻ kiên nhẫn, biết chờ đến lượt, hợp tác cùng cô và các bạn trong mọi hoạt động. - Chờ đến lượt của mình không chen lấn xô đẩy bạn, biết nhắc nhở các bạn cùng nhau chờ đến lượt.

<p>MT 80</p>	<p>- Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc. (5.1-T71) - Yêu thích hoa , không bẻ cành ngắt hoa.(5.3-T71)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm bảo vệ môi trường. - Chăm sóc vườn hoa, vườn rau, khu vườn xinh của lớp. - Học cách chăm sóc con vật quen thuộc. - Biết chăm sóc tốt cho cây. - Không hái hoa, bẻ cành. - Xem video về cách chăm sóc cây cối, con vật.
<p>MT 81</p>	<p>Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định(5.2 - T71) (QTE); Nói không với bóng bay, túi nilon và rác thải nhựa”**</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bỏ rác đúng nơi quy định, giữ gìn vệ sinh môi trường, lớp học nơi công cộng. - Bé học cách giữ vệ sinh môi trường. Nói không với bóng bay, túi nilon và rác thải nhựa”** - Tổ chức dọn vệ sinh lớp học vào chiều thứ sáu hàng tuần.
<p>MT 82</p>	<p>Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắc quạt, tắc điện khi ra khỏi phòng (5.4 - T71)</p>	<p>Có ý thức tiết kiệm điện , nước, nhắc nhở người lớn tắt quạt, điện khi ra khỏi phòng.</p>
<p>MT 83</p>	<p>Trẻ biết không cho người khác sờ, chạm vào các bộ phận nhạy cảm</p>	<p>Biết nói với ba, mẹ, người thân khi có ai đó là người khác giới có hành động sờ, chạm vào các bộ phận nhạy cảm; không đi theo, không nhận quà của người lạ; không ăn, uống thức ăn của người lạ cho khi chưa được phép của mẹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - ba
<p>MT 84</p>	<p>Trẻ có kỹ năng về ATGT, văn hóa khi tham gia giao thông; Kỹ năng ứng xử khi gặp người lạ; thoát hiểm khi có hỏa hoạn,...</p>	<ul style="list-style-type: none"> ‘- Đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên xe máy - Kỹ năng khi ngồi, lên, xuống xe máy; xe đạp - Thoát hiểm khi bị bỏ quên trên xe ô tô - Thắt dây an toàn; Không làm ồn, không bỏ chân lên ghế, biết nhường ghế cho người già yếu, phụ nữ mang thai, có con nhỏ,...khi tham gia các PTGT công cộng.

		<ul style="list-style-type: none"> - Không đi theo người lạ, không nhận quà hay đồ ăn từ người lạ. - Biết kêu to, tìm người lớn đáng tin cậy khi gặp nguy hiểm. - <i>Kỹ năng thoát hiểm khi có hỏa hoạn; Cách thoát ra ngoài khi bị khóa trái cửa trong nhà; Khi bị trói; bị người khác bắt nạt;...</i>
MT 85	Kỹ năng phòng tránh tai nạn thường gặp	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng Biết không cho đồ chơi nhỏ, vật lạ vào miệng, mũi, tai. - Biết nói “Không!” khi cảm thấy nguy hiểm hoặc không thoải mái. - Biết tránh xa chó mèo lạ hoặc động vật hung dữ. - Biết tránh xa ổ điện, dây điện, vật sắc nhọn, đồ nóng (nồi, bếp, ấm nước...). - Biết không leo trèo lan can, cửa sổ; không nô đùa ở cầu thang.
MT 86	- Giữ lời hứa và thực hiện lời hứa với người khác**	<ul style="list-style-type: none"> - Biết nói lời hứa khi thực sự có thể làm được. - Thực hiện đúng lời hứa với cô, bố mẹ, bạn bè (ví dụ: hứa cất đồ chơi, hứa chia sẻ đồ chơi, hứa trực nhật...). - Hình thành thói quen có trách nhiệm với lời nói và hành động của mình.
V. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		

MT 87	Trẻ vui sướng vỗ tay , làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. (1.1 - T71)	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc thích thú ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật .
MT 88	Trẻ biết chú ý lắng nghe, thích thú (Hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.(1.2 - T72)	Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau(Nhạc thiếu nhi, dân ca). Chú ý lắng nghe cô hát, hiểu nội dung nhạc
MT 89	Trẻ yêu thích ngắm nhìn, chỉ , sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình(1.3 - T72) (QTE)	Cảm xúc của bản thân , đặt tên cho sản phẩm tạo hình. Bộc lộ cảm xúc, thái độ chân thật trước cái đẹp và sản phẩm nghệ thuật
MT 90	Trẻ hát đúng giai điệu, lời bài hát , hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ(2.1 - T71)	Hát đúng giai điệu, lời bài hát , hát rõ lời và thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát, điệu bộ
MT 91	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát , bản nhạc với các hình thức múa, vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa. (2.2 - T71)	Dạy vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc theo chủ đề, vận động minh họa, vỗ tay theo nhịp, theo phách, theo tiết tấu chậm.
MT 92	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ gõ đệm theo nhịp điệu , tiết tấu bài hát.(3.2 - T73)	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu - Tham gia các hoạt động nghệ thuật với nội dung dân ca, trò chơi dân gian, tăng tính kết nối văn hóa địa phương**
MT 93	Biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc (3.1 - T73)	- Lựa chọn các hình thức vận động khác nhau theo bài hát, bản nhạc mà trẻ thích. - Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề.(QTE)

	- Thể hiện vai diễn theo ý tưởng của bản thân, phù hợp với đặc điểm, tính cách của nhân vật **	- Thể hiện vai diễn theo ý tưởng của bản thân, phù hợp với đặc điểm, tính cách của nhân vật.
MT 94	Vẽ phối hợp các nét thẳng , xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. (2.4 - T72) - Tô màu, vẽ hình theo mẫu, biết chọn màu (Trẻ hòa nhập)	Phối hợp các kĩ năng vẽ , nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra các sản phẩm có kích thước, hình dáng , đường nét, bố cục hợp lý
MT 95	Trẻ biết xé , cắt theo đường thẳng, đường cong ...và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục (2.5 - T72)	Cắt, xé hình theo đường viền đã có sẵn không để bị rách, xé và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục hợp lý
MT 96	Trẻ thực hiện được các thao tác làm lổm, vổ bẹt, bẽ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. (2.6 - T73)	Sử dụng các kĩ năng làm lổm, vổ bẹt, bẽ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết
MT 97	- Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng , màu sắc khác nhau. (2.7- T73) - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.(2.3 - T72)	- Sử dụng các kĩ năng xếp thẳng, xếp xiên, xếp song song để tạo ra các sản phẩm có kỹ năng hình dáng, đường nét - Chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo thành sản phẩm theo ý thích
MT 98	Nói ra ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích (3.3 - T73) Đặt tên cho sản phẩm tạo hình (3.4- T73)	Trình bày ý tưởng của trẻ về cái mà trẻ sắp làm. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. đặt tên sản phẩm của mình, của bạn.
MT 99	Trẻ tạo sản phẩm từ vật liệu tái chế, phối màu tranh theo cảm xúc để tạo ra 1 số sản phẩm khác nhau*	Lõi giấy làm lọ cắm bút; hộp sữa chua - bóng nhựa, chén nhựa,...làm cái nón; thùng cattoong, hộp thuốc làm PTGT,...

	- Tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hằng ngày theo cách riêng*	- Cắm hoa, xếp bàn ăn, gấp khăn, trang trí lớp học, làm thiệp....làm bánh kem, sắp đặt đồ vật, - Có lời nói/cử chỉ lịch sự/nhân ái...
MT 100	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc , đường nét , hình dáng và giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn. (2.8 - T73) (QTE)	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét, bố cục, sáng tạo về sản phẩm của mình và các bạn

Tân An, ngày 20 tháng 8 năm 2025

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TTCM



Phạm Thị Linh Thảo

Ngô Thị Trúc Phương